

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 5; 147; 212; 213 và khoản 2 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 36/2018/TLST - TCDS ngày 30 tháng 7 năm 2018

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Các đồng nguyên đơn:

Bà Trần Diệu T, sinh năm 1960

Ông Phạm Công B, sinh năm 1957

Ông B có Giấy ủy quyền cho Bà T đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền ngày 25/7/2018.

Cùng trú tại: Tổ 53, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

1.2. Các đồng bị đơn:

Ông Lộc Hoàng T1, sinh năm 1945

Bà Nông Thị T2, sinh năm 1948

Bà T2 có Giấy ủy quyền cho ông T1 đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền ngày 20/8/2018.

Cùng trú tại: Tổ 20, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đoàn Quốc D, sinh năm 1952

Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1952

Bà Đ có Giấy ủy quyền cho ông D đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy Ủy quyền ngày 28/8/2018.

Cùng trú tại: Tổ 20, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quyền sử dụng đất: Phần đất tranh chấp có diện tích 392.5m² (gồm 375m² đất vườn rừng, tại thửa số 5, tờ bản đồ 25DIII; và 17,5 m² đất ở, tại thửa số 20; cùng tờ bản đồ số 25DIII) đã được Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1510 ngày 07/10/2003 cho bà Trần Diệu T và ông Phạm Công B, tại địa chỉ tổ 19, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Các đương sự thống nhất thỏa thuận, chia phần đất tranh chấp có diện tích nêu trên, như sau:

2.1.1. Bà Trần Diệu T, ông Phạm Công B được quyền sử dụng 193m². Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Nam giáp đường đi của xóm có số đo 12,5m

Phía Tây giáp đất vườn rừng nhà ông T1 có số đo 16m

Phía Bắc giáp đất vườn rừng bà T có số đo 12m

Phía Đông giáp đất ở nhà bà T có số đo 15,6m

2.1.2. Ông Lộc Hoàng T1 và bà Nông Thị T2 được quyền sử dụng 199m². Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Nam giáp đường xóm có số đo 12,5m

Phía Tây giáp đất vườn rừng nhà ông T1 có số đo 16,5m

Phía Bắc giáp đất vườn rừng bà T có số đo 12m

Phía Đông giáp đất ở nhà bà T có số đo 16m

Phần diện tích đất tranh chấp có hiện trạng thực tế được thể hiện tại Sơ đồ thửa đất tranh chấp lập ngày 21/6/2018 (bút lục số 08 của Tòa án)

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2.2. Ông Phạm Công B và bà Trần Diệu T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lộc Hoàng T1 và bà Nông Thị T2 số tiền 8.000.000 đồng (trị giá của 34 cây keo) do ông T1, bà T2 trồng. Xác nhận bà T, ông B đã thanh toán đủ tiền cho ông T1 và bà T2.

2.3. Ông Lộc Hoàng T1, bà Nông Thị T2 có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào làm bằng cây tre, trả lại nguyên hiện trạng đối với phần diện tích đất tranh chấp.

2.4. Về án phí: Bà T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0000653 ngày 30/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, xác nhận bà T đã nộp xong tiền án phí.

Ông Lộc Hoàng T1 và bà Nông Thị T2 không phải chịu tiền án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000710 ngày 22/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

Các đương sự khác không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh YB;
- Các đương sự (6 b);
- Viện kiểm sát ND thành phố YB;
- Chi cục THADS thành phố YB;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập QĐ;
- Phòng KT

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy